

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Đại

Ông Trần Anh Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Việt Hà – Kiểm sát viên

Ngày 31/7/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2019/TLST- HNGĐ ngày 18/3/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Thế C, sinh năm 1986

Cư trú tại: Thôn a, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989

Cư trú tại: Thôn a, xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Anh C có mặt, chị L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Trần Thế C trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn năm 2011 trên cơ sở hai bên đều tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã V. Sau khi kết hôn chị L về chung sống cùng gia đình nhà anh. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, do kinh tế khó khăn, nhiều lần vợ chồng xảy ra xô xát nhau. Từ tháng 10/2017, chị L đã bỏ về quê tại xã Minh Phú để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng trầm trọng không thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L.

- Về con chung: Anh C và chị L có 02 con chung là Trần Ngọc L, sinh ngày 14/7/2012 và Trần Văn K, sinh ngày 12/02/2014. Sau khi ly hôn anh C xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị L đều không có mặt. Qua xác minh anh trai chị L là anh Nguyễn Mạnh T và chính quyền địa phương xã V đều xác định, vợ chồng anh C, chị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau nữa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Thế C và chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 14/7/2012 và Trần Văn K, sinh ngày 12/02/2014 cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên không phải giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh C không yêu cầu nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh C phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là anh Trần Thế C cư trú tại xã V, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung với bị đơn là chị Nguyễn Thị L cư trú cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập phiên tòa họp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thế C và chị Nguyễn Thị L kết hôn năm 2011 trên cơ sở hai bên đều hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã V, đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, vợ chồng không chia sẻ cùng nhau. Từ tháng 10 năm 2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Chính quyền địa phương xã V cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị L đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài. Xét thấy mục đích xây dựng một gia đình hạnh phúc bền vững giữa anh C và chị L không đạt được.

Do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng anh C, chị L có 02 con chung, từ khi chị L bỏ đi đến nay các cháu đều đang ở với anh C. Do vậy sau khi ly hôn sẽ giao các cháu cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh C không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh C phải nộp theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Thế C và chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Thế C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc L, sinh ngày 14/7/2012 và Trần Văn K, sinh ngày 12/02/2014. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi cho anh C. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Thế C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền anh C phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2017/0003108, ngày 18/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoàn Hùng. Anh C đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã V;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Vũ Thường